

ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có gì vướng mắc các đơn vị, địa phương phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thứ trưởng

NGUYỄN ĐÌNH LIÊU

KT. Bộ trưởng Bộ Y tế

Thứ trưởng

LÊ NGỌC TRỌNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TƯ số 11/2000/TT-BKH ngày 11/9/2000 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư số 06/1999/TT-BKH ngày 24/11/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về nội dung Tổng mức đầu tư, Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư và Báo cáo đầu tư.

Thực hiện các quy định tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999; theo yêu cầu của các Bộ và địa phương nên đơn giản thủ tục cho các dự án nhỏ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phần Báo cáo đầu tư tại Mục III của Thông tư số 06/1999/TT-BKH ngày 24 tháng 11 năm 1999 như sau:

III. Báo cáo đầu tư:

3.1. Báo cáo đầu tư được áp dụng đối với các dự án có mức vốn đầu tư dưới 1 tỷ đồng, các dự án sửa chữa, bảo trì sử dụng vốn sự nghiệp và các dự án của các ngành đã có thiết kế mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật được Bộ quản lý ngành phê duyệt trên cơ sở phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch vùng hoặc kế hoạch trung và dài hạn.

3.2. Nội dung Báo cáo đầu tư:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết đầu tư:

+ Ghi rõ các căn cứ pháp lý như các quyết định của cấp trên, kế hoạch đã được phê duyệt....

+ Giải trình tóm tắt lý do cần phải đầu tư công trình.

2. Tên dự án và hình thức đầu tư.

(Hình thức đầu tư cần được ghi rõ là xây dựng mới, cải tạo, mở rộng hay duy trì).

3. Chủ đầu tư (ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân làm chủ đầu tư).

4. Địa điểm và mặt bằng:

Ghi rõ tên xã (hoặc đường phố, phường) thuộc huyện (quận).

Đối với các dự án có kiến trúc xây dựng như trường học, trạm xá, nhà văn hóa... cần ghi rõ phân diện tích mặt bằng được phép sử dụng.

5. Khối lượng công việc: Khối lượng công việc đầu tư được ghi theo đơn vị thích hợp và được tính trên cơ sở định mức đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành.

6. Vốn đầu tư và nguồn vốn:

- Tổng số vốn đầu tư:

- Nguồn vốn:

+ Ngân sách cấp, trong đó:

● Vốn ngân sách trung ương (nếu có nguồn tài trợ của nước ngoài cũng cần ghi rõ).

- Vốn ngân sách địa phương.
- + Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.
- + Các nguồn vốn khác.

7. Thời gian khởi công và hoàn thành:

Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, ngoài những nội dung nêu trên, cần bổ sung:

- Sản phẩm (dịch vụ) và quy mô công suất.
- Thiết bị (ghi rõ giá trị và nguồn cung cấp).
- Nguồn cung cấp nguyên liệu.
- Khả năng trả nợ (nếu là vốn vay) và thời hạn hoàn vốn.
- Biện pháp bảo vệ môi trường (nếu dự án có tác động xấu tới môi trường).

Đối với các dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 100 triệu đồng, tùy theo yêu cầu của dự án, không nhất thiết phải nêu chi tiết các mục kể trên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TRẦN XUÂN GIÁ

QUYẾT ĐỊNH số 462/2000/QĐ-BKH ngày 15/9/2000 ban hành Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 15/2000/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục vật tư xây dựng thuộc loại trong nước đã sản xuất được;

Sau khi có ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ phân biệt thực hiện việc không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu đối với vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2000/NĐ-CP ngày 09/5/2000 của Chính phủ.

Điều 2. Vật tư xây dựng là các nguyên vật liệu đầu vào (không bao gồm máy móc, thiết bị công nghệ và vật tư sản xuất) để xây dựng các công trình hình thành tài sản của các doanh nghiệp theo giấy phép đầu tư, dự án đầu tư hoặc báo cáo đầu tư quy định tại Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 và Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Điều 3. Trường hợp một số loại nguyên vật liệu trong nước sản xuất được đã ban hành tại Quyết định số 230/2000/QĐ-BKH ngày 04/5/2000 được dùng vào mục đích xây dựng công trình hình thành tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này thì cũng lấy Quyết định số 230/2000/QĐ-BKH làm căn cứ phân biệt các loại vật tư trong nước chưa sản xuất được không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu.

Điều 4. Trong quá trình sử dụng Danh mục nếu có ý kiến không thống nhất giữa cơ quan Hải quan với doanh nghiệp thì cơ quan Hải quan phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương xem xét để xử lý. Trường hợp còn vướng mắc thì Tổng cục Hải quan kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét quyết định hoặc sửa đổi, bổ sung Danh mục.